

Số: 09/2018/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 02 tháng 8 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; quy định số lượng chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh và khoản Quỹ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc đề nghị ban hành một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; quy định số lượng chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh và khoản Quỹ phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; quy định số lượng chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh và khoản Quỹ phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái, cụ thể như sau:

1. Mức khoản chi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp

a) Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện thí điểm sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Các nội dung cụ thể:

- Khoản chi hoạt động thường xuyên (không kể tiền lương) như sau:

+ Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Mức khoản tối đa không vượt quá 1,35 lần mức kinh phí phân bổ theo Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái. Mức khoản cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh hằng năm.

+ Đối với các cơ quan, đơn vị cấp huyện mức khoản như sau:

Số TT	Đơn vị	Mức khoản (triệu đồng/đơn vị/năm)
1	Văn phòng cấp ủy và chính quyền cấp huyện	
	- Huyện Trạm Tấu, huyện Mù Cang Chải	648
	- Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện còn lại	610

Số TT	Đơn vị	Mức khoán (triệu đồng/đơn vị/năm)
2	Cơ quan khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện (chưa bao gồm chi từ nguồn đoàn phí và kinh phí công đoàn)	
	- Huyện Trạm Tấu, huyện Mù Cang Chải	446
	- Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện còn lại	376
3	Cơ quan Tổ chức - Nội vụ cấp huyện	
	- Huyện Trạm Tấu, huyện Mù Cang Chải	321
	- Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện còn lại	293
4	Cơ quan Kiểm tra - Thanh tra cấp huyện	
	- Huyện Trạm Tấu, huyện Mù Cang Chải	219
	- Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện còn lại	209

Căn cứ mức kinh phí được giao khoán, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quy định cụ thể các nội dung chi, mức chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị theo chế độ quy định đối với cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

- Khoán Quỹ tiền lương trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của từng cơ quan, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong đó bố trí đủ kinh phí để cán bộ, công chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách ở mức cao nhất theo quy định hiện hành.

- Đối với kinh phí hoạt động nghiệp vụ đặc thù thường xuyên của cơ quan đảng, quản lý nhà nước, đoàn thể: Được quản lý, sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trong phạm vi dự toán nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

2. Số lượng chức danh, số lượng người được bố trí tối đa và mức phụ cấp hằng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố

a) Số lượng chức danh, số lượng người được bố trí tối đa và mức phụ cấp hằng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

- Đối với xã, thị trấn:

Số TT	Chức danh/số người	Mức phụ cấp hằng tháng (bằng hệ số mức lương cơ sở)	Số lượng/1 đơn vị hành chính		
			Xã, thị trấn loại I	Xã, thị trấn loại II	Xã, thị trấn loại III
I	Số chức danh		15	14	13
1	Phó trưởng Công an (riêng xã trọng điểm bố trí 2 người)	1,0	1	1	1
2	Công an viên thường trực tại xã	0,8	1	1	1
3	Phó Chỉ huy Quân sự	1,0	1	1	1
4	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1,0	1	1	1
5	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1,0	1	1	1
6	Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1,0	1	1	1
7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1,0	1	1	1
8	Phó Chủ tịch Hội nông dân	1,0	1	1	1
9	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,0	1	1	1
10	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1,0	1	1	1
11	Phụ trách kiểm tra Đảng, Thanh tra nhân dân	0,8	1	1	1
12	Văn phòng Đảng ủy	1,0	1	1	1
13	Văn thư - lưu trữ, tạp vụ	0,8	1	1	1
14	Phụ trách công tác dân số, gia đình và trẻ em	1,0	1	1	
15	Phụ trách dân vận, tuyên giáo	0,8	1		
II	Số lượng người được bố trí tối đa		10	9	8

- Đối với phường:

Số TT	Chức danh/số người	Mức phụ cấp hằng tháng (bằng hệ số mức lương cơ sở)	Số lượng/1 đơn vị hành chính		
			Phường loại I	Phường loại II	Phường loại III
I	Số chức danh		15	14	13
1	Phó Chỉ huy Quân sự	1,0	1	1	1
2	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1,0	1	1	1
3	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1,0	1	1	1
4	Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1,0	1	1	1
5	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1,0	1	1	1
6	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1,0	1	1	1
7	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,0	1	1	1
8	Phụ trách trật tự đô thị	1,0	1	1	1
9	Phụ trách kiểm tra Đảng, Thanh tra nhân dân	0,8	1	1	1
10	Văn phòng Đảng ủy	1,0	1	1	1
11	Trưởng ban Bảo vệ dân phố	0,6	1	1	1
12	Phó ban Bảo vệ dân phố	0,5	1	1	1
13	Văn thư - lưu trữ, tạp vụ	0,8	1	1	1
14	Phụ trách công tác xã hội (văn hóa, xã hội, thể thao, gia đình và trẻ em...)	1,0	1	1	
15	Phụ trách dân vận, tuyên giáo	0,8	1		
II	Số lượng người được bố trí tối đa		10	9	8

b) Số lượng chức danh, số lượng người được bố trí tối đa và mức phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố:

Số TT	Chức danh	Mức phụ cấp hằng tháng (bằng hệ số mức lương cơ sở)	Số lượng người được bố trí tối đa
I	Đối với tổ dân phố thuộc phường		5
1	Bí thư chi bộ	1,0	
2	Tổ trưởng tổ dân phố	1,0	
3	Phó Bí thư chi bộ	0,5	
4	Trưởng ban công tác Mặt trận	0,5	
5	Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố	0,5	
6	Thôn đội trưởng	0,7	
II	Đối với tổ dân phố thuộc thị trấn		5
1	Bí thư chi bộ	1,0	
2	Tổ trưởng tổ dân phố	1,0	
3	Phó Bí thư chi bộ	0,5	
4	Trưởng ban công tác Mặt trận	0,5	
5	Thôn đội trưởng	0,7	
6	Công an viên	0,8	
III	Đối với thôn, bản		6
1	Bí thư chi bộ	1,0	
2	Trưởng thôn, bản	1,0	
3	Phó Bí thư chi bộ	0,5	
4	Trưởng ban công tác Mặt trận	0,5	
5	Thôn đội trưởng	0,7	
6	Công an viên	0,8	
7	Nhân viên y tế thôn, bản kiêm cộng tác viên dân số	0,6	

3. Mức khoán Quỹ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng:

Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

b) Nguyên tắc thực hiện:

- Mức khoán Quỹ phụ cấp hằng tháng là mức tối đa, căn cứ Quỹ phụ cấp được giao khoán, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả phụ cấp hằng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh và đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội hằng tháng cho các đối tượng thụ hưởng của từng quỹ theo đúng quy định.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố bố trí không được vượt quá số lượng người tối đa theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này.

- Thực hiện bố trí kiêm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố như sau:

+ Đối với chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bố trí 01 người kiêm nhiệm không quá 02 chức danh.

+ Đối với chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố, bố trí 01 người kiêm nhiệm không quá 01 chức danh, ưu tiên bố trí Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban công tác Mặt trận; Trưởng thôn, bản, Tổ trưởng tổ dân phố kiêm Phó Bí thư chi bộ.

+ Trường hợp vừa kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, đồng thời kiêm nhiệm thêm chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố, thì 01 người không kiêm nhiệm quá 02 chức danh.

Căn cứ nguyên tắc trên, Hội đồng nhân dân cấp xã sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và bố trí kiêm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố cho phù hợp, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, ưu tiên bố trí những người có năng lực, có trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

c) Mức khoán Quỹ phụ cấp hằng tháng:

- Quỹ phụ cấp hằng tháng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (đã bao gồm 14% bảo hiểm xã hội, 3% bảo hiểm y tế) như sau:

Số TT	Đơn vị	Mức khoán Quỹ phụ cấp hằng tháng (bằng mức lương cơ sở)
1	Đối với phường	
	- Phường loại I	15,71
	- Phường loại II	14,74
	- Phường loại III	13,57

Số TT	Đơn vị	Mức khoán Quỹ phụ cấp hằng tháng (bằng mức lương cơ sở)
2	Đối với xã, thị trấn	
	- Xã, thị trấn loại I	16,75
	- Xã, thị trấn loại II	15,78
	- Xã, thị trấn loại III	14,61
3	Mức khoán bổ sung đối với xã trọng điểm để bố trí 01 Phó trưởng công an xã	1,17

- Quỹ phụ cấp hằng tháng của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố (đã bao gồm 3% bảo hiểm y tế của Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, bản, Tổ trưởng tổ dân phố, Công an viên) như sau:

Số TT	Đơn vị	Mức khoán Quỹ phụ cấp hằng tháng (bằng mức lương cơ sở)
1	Đối với thôn, bản	5,6
2	Đối với tổ dân phố thuộc thị trấn	5,0
3	Đối với tổ dân phố thuộc phường	4,7

d) Sử dụng Quỹ phụ cấp được giao khoán:

- Chi trả phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố theo mức phụ cấp quy định tại Nghị quyết này.

- Chi đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; chi đóng bảo hiểm y tế hằng tháng cho Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Công an viên ở thôn, bản, tổ dân phố thuộc thị trấn theo quy định của Luật bảo hiểm y tế, Luật bảo hiểm xã hội.

- Chi trả phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố hằng tháng như sau:

+ Đối với cấp xã:

Nếu kiêm nhiệm 01 chức danh, thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

Nếu kiêm nhiệm 02 chức danh (kể cả kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố), thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của từng chức danh kiêm nhiệm cộng lại.

+ Đối với thôn, bản, tổ dân phố:

Nếu kiêm nhiệm chức danh có mức phụ cấp hằng tháng bằng hệ số 1,0 mức lương cơ sở, thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 0,7 mức lương cơ sở.

Nếu kiêm nhiệm chức danh có mức phụ cấp hằng tháng dưới hệ số 1,0 mức lương cơ sở, thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 0,5 mức lương cơ sở.

Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Chi tăng mức thu nhập cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố: Hằng năm sau khi kết thúc năm ngân sách và sau khi bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ được giao, căn cứ mức kinh phí khoán Quỹ phụ cấp thực tế tiết kiệm được, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chi trả thu nhập tăng thêm cho từng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố theo Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng người. Người hoạt động không chuyên trách được chi trả phụ cấp hằng tháng từ Quỹ phụ cấp nào thì được hưởng mức tăng thu nhập từ nguồn kinh phí tiết kiệm của Quỹ phụ cấp đó.

4. Chính sách hỗ trợ khi nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức theo Nghị quyết này, nếu không đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc hưởng chính sách trợ cấp một lần khi nghỉ việc theo quy định của Nhà nước, thì được hỗ trợ một lần bằng 3 tháng phụ cấp hiện hưởng.

5. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí khoán chi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp do ngân sách địa phương bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;

b) Kinh phí khoán Quỹ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố do ngân sách địa phương bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;

c) Kinh phí hỗ trợ một lần đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức theo Nghị quyết này do ngân sách địa phương bảo đảm.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Các chính sách quy định tại Nghị quyết này được áp dụng thực hiện từ năm ngân sách 2019. Riêng chính sách hỗ trợ một lần khi nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức quy định tại Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết này, được thực hiện từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, Nghị quyết này thay thế, bãi bỏ các văn bản và các điều, khoản, điểm trong các văn bản sau:

a) Thay thế Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 09/4/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố; Nghị quyết số 16/2011/NQ-HĐND ngày 05/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc hủy bỏ và sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày

09/4/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố;

b) Bãi bỏ Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về mức phụ cấp cho Bảo vệ dân phố tỉnh Yên Bái;

c) Bãi bỏ Điểm b, Khoản 4, Điều 2 Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 05/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ năm 2011;

d) Bãi bỏ Điểm c, Khoản 4, Phần I và Khoản 2, Phần II, Điều 1 Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND ngày 15/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt Đề án tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh giai đoạn 2016 - 2020;

đ) Bãi bỏ Điểm a, Khoản 5, Phần III, Điều 1 Nghị quyết số 25/2015/NQ-HĐND ngày 15/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt Đề án về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tại 72 xã đặc biệt khó khăn của tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2016 - 2020.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XVIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 02 tháng 8 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cập nhật văn bản trên CSDLQGPL);
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo);
- TT. HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh, Phó Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, BPC.

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Phạm Thị Thanh Trà